

CÔNG TY TNHH HUY HOÀNG AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HUY HOÀNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY HOANG AN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110491199

3. Ngày thành lập: 28/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19 Ngõ 2 Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0812051994

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng, nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác	4632
4.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
8.	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc Chi tiết: - Đại lý xổ số.	9200(Chính)
9.	Hoạt động thể thao khác	9319
10.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
11.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
12.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
13.	Cổng thông tin Loại trừ hoạt động báo chí (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6312
14.	Quảng cáo (Loại trừ các hoạt động, hàng hóa thuộc danh mục ngành nghề, hoạt động cấm kinh doanh)	7310
15.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
17.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)	4690
18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4719

19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm chức năng, nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
20.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
22.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
23.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
24.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
25.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
26.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
27.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
28.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
29.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
30.	Sản xuất sợi	1311
31.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
32.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
34.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
35.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
36.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
37.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
38.	Sản xuất giày, dép	1520
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4791

40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4799
41.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
42.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định ; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi ; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định ; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định ; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng ; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
48.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
49.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)	5210
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
53.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Loại trừ các hoạt động có điều kiện hoặc các ngành nghề thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)	5225

55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: -Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; -Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; -Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; -Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; -Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền	5629
58.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ TRÂM ANH	Việt Nam	Số 97B Phố Yên Ninh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	800.000.000	40,000	001194000804	
2	PHAN DIỄM QUỲNH	Việt Nam	Số 3 Ngõ 780 Đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.200.000.000	60,000	001198010501	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN DIỄM QUỲNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/01/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001198010501

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 3 Ngõ 780 Đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 19, Ngõ 2 Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội